TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đình Tâm

Ông Bùi Văn Kiên

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Biên Th - sinh năm: 1976

HKTT: Xóm 1, thôn 2, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị L - sinh năm: 1977

HKTT: Thôn Duyên Linh, xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và tại bản tự khai ngày 31/10/2017 anh Nguyễn Biên Th trình bày: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký

kết hôn ngày 27/12/1999 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, anh qua bên nhà vợ sinh sống, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Anh về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2002. Từ đó đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 06/01/2002. Nếu ly hôn, anh giao cháu Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà, anh Th thay đổi ý kiến: Anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 15/11/2017, chị Phạm Thị L trình bày: Vợ chồng chị kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 27/12/1999 tại UBND xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vợ chồng chị chung sống đến khi sinh cháu Tr là con gái, mà anh Th lại mong muốn có con trai nên đối xử lạnh nhạt với chị, bỏ rơi mẹ con chị. Nay anh Th làm đơn xin ly hôn, chị đề nghị nếu anh Th cấp dưỡng nuôi con cho chị trong thời gian từ khi cháu Tr sinh ra đến nay cho đến khi cháu 18 tuổi thì chị đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 06/01/2002. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi cháu Tr sinh ra cho đến nay.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L. Chị Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không

tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị L vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị L.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự và tại phiên toà: Anh Th và chị L thống nhất được người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về hôn nhân và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th xét thấy không còn tình cảm với chị L, vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều năm, không ai quan tâm tới ai nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Chị L đồng ý ly hôn nếu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung từ khi cháu Tr sinh ra đến khi cháu 18 tuổi. Về vấn đề thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: anh Th yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, chị L yêu cầu anh Th cấp dưỡng từ khi cháu Tr sinh ra đến khi cháu 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Biên Th và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/12/1999 tại UBND xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 5, 6, 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống và quan niệm về sinh con trai hay con gái cũng luôn bất đồng nhau nên đối xử thờ ơ, lạnh nhạt với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người ấy sống. Chứng tỏ anh Th, chị L không còn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Th được ly hôn chị L là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Anh Nguyễn Biên Th và chị Phạm Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 06/01/2002. Hiện nay cháu đang ở với chị L. Anh Th và chị L đều có nguyện vọng giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Tr. Để không bị xáo trộn và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trẻ cũng như theo nguyện vọng của cháu Tr. Nghĩ cần giao cháu Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: anh Th có ý kiến là cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi; chị L yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung trong thời gian từ khi cháu Tr sinh ra đến khi cháu 18 tuổi. Anh Th có mức thu nhập bình quân hàng tháng 2.000.000 đ. Xét yêu cầu của anh Th là chính đáng phù hợp pháp luật. Nghĩ cần buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Anh Th, chị L không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 56, 58, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 2 điều 482, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Biên Th được ly hôn chị Phạm Thị L.

Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 06/01/2002 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh Th còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Về án phí: Anh Nguyễn Biên Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002131 ngày 26/10/2017. Anh Th còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Th, vắng mặt chị L. Anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lưu Đình Tâm **Bùi Văn Kiên** **Phạm Văn Hùng**